

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh 1 a h c : L p h c : 35CCĐ2 N ăm h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 132017302101 - Thi t k X ấ y d ã ng C ã ng H c k m : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ì T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010690	35CCĐ2	Nguy n Kh ã nh	B ã nh	08/12/1993	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
2	3571010767	35CCĐ1	Nguy n M ã nh	C ã nh	06/11/1993	5.0						5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
3	3571010779	35CCĐ1	L 2 H ã ng	C ã ng	29/03/1992	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	N HP
4	3571010741	35CCĐ1	L 2 ã c	C ã ng	27/07/1992	6.0						6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
5	3571010214	35CCĐ2	Phan Qu c	C ã ng	01/02/1993	6.0						6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	N HP
6	3571010021	35CCĐ2	Nguy n ã ã nh	Ch ấ nh	10/05/1993	6.0						6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
7	3571010257	35CCĐ1	Ph ã ng Th Kim	Chi	17/09/1993	6.0						6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	N HP
8	3571010650	35CCĐ1	Nguy n V ã nh	Chi n	25/01/1991	6.0						6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	N HP
9	3571010001	35CCĐ2	Nguy n Th ã nh	Duy	10/09/1993	4.0						4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
10	3571010654	35CCĐ1	L 2 V ì t	D ã ng	17/07/1992	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
11	3571010213	35CCĐ2	Nguy n Tr ã ng	D ã ng	09/05/1992	6.0						6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
12	3571011174	35CCĐ1	V H ã c	ñ o	19/06/1993	4.0						4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
13	3571010687	35CCĐ2	L 2 T n	ñ t	03/03/1993	6.0						6.0	1.8	8.3	5.8	7.6	
14	3571010587	35CCĐ2	Ph ã ng V ã nh	ñ t	19/09/1993	3.0						3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	N HP
15	3571010228	35CCĐ2	Ng » Ti n	ñ i p	26/03/1993	4.0						4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
16	3571010221	35CCĐ2	Ph m Xu ấ n	ñ » ng	06/01/1993	5.0						5.0	1.5	6.8	4.8	6.3	
17	3571010088	35CCĐ1	Nguy n V ã nh	ñ c	02/09/1991	6.0						6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
18	3571010238	35CCĐ2	Ph m V ã nh	ñ c	24/01/1992	8.0						8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
19	3571010783	35CCĐ1	Ph m V ì t	ñ c	24/08/1993	6.0						6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302101 - Thi t k X ấ y d ấ ng C ấ ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010251	35CCĐ1	Nguy n Huy H i	28/07/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
21	3571010010	35CCĐ2	Nguy n Thanh H i	23/03/1993	6.0						6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	N HP
22	3571010042	35CCĐ2	D ấ ng Minh H o	19/02/1992	6.0						6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
23	3571010775	35CCĐ1	ấ ng Ph ấ c	09/12/1992	8.0						8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
24	3571010748	35CCĐ1	ấ ấ Ph ấ c	11/03/1993	6.0						6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
25	3571010682	35CCĐ2	ấ o ấ H u	18/07/1993	5.0						5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	N HP
26	3571010025	35CCĐ2	L 2 Kh c	04/12/1993	6.0						6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	N HP
27	3571010769	35CCĐ1	Nguy n V ấ	06/11/1993	4.0						4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	N HP
28	3571010644	35CCĐ1	V ấ	20/09/1993	5.0						5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
29	3571010016	35CCĐ2	Nguy n Tu n	04/01/1992	6.0						6.0	1.8	6.8	4.8	6.6	
30	3571010019	35CCĐ2	Nguy n M nh	24/04/1993	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
31	3571010773	35CCĐ1	Nguy n Ph c	29/12/1993	5.0						5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	N HP
32	3571011817	35CCĐ2	Nguy n Ti n	01/01/1993	7.0						7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	N HP
33	3571010031	35CCĐ2	Nguy n Thanh	07/06/1993	5.0						5.0	1.5	6.8	4.8	6.3	
34	3571010651	35CCĐ1	Nguy n	25/05/1993	6.0						6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
35	3571010788	35CCĐ1	Nguy n H u	29/06/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
36	3571010680	35CCĐ2	D Thanh	20/01/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
37	3571010656	35CCĐ1	Nguy n Ho ấ V ấ	31/08/1993	6.0						6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
38	3571010750	35CCĐ1	Tr n H Tr ng	01/10/1993	6.0						6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302101 - Thi t k X ấ y d ấ ng C ấ ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571010218	35CCĐ2	Tr n Anh	Khoa	09/08/1993	6.0						6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
40	3571010252	35CCĐ1	Nguy n Ng c	Kh ng	09/01/1992	6.0						6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
41	3571010219	35CCĐ2	Nguy n H u T ng	Lâm	15/06/1993	6.0						6.0	1.8	2.5	1.8	3.6	
42	3571010220	35CCĐ2	Lê Xuân	Long	02/09/1991	8.0						8.0	2.4	7.8	5.5	7.9	
43	3571010762	35CCĐ1	Ph m T n	L c	28/06/1993	6.0						6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	N HP
44	3571010754	35CCĐ1	Lê Hoài	Nam	07/04/1993	5.0						5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
45	3571010224	35CCĐ2	Nguy n Tr ấ	Nam	12/06/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
46	3571010020	35CCĐ2	Tr n Nguy n	Ngh ấ	20/04/1993	5.0						5.0	1.5	2.3	1.6	3.1	
47	3571010751	35CCĐ1	Lê Xuân	Nguyễn	12/11/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
48	3571010209	35CCĐ2	Phan T	Nhàn	24/02/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
49	3571010645	35CCĐ1	Nguy n Ng c	Nh t	21/09/1993	5.0						5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
50	3571010647	35CCĐ1	Tr n Trung	Nh t	20/10/1993	6.0						6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	N HP
51	3571010111	35CCĐ2	Tr n L	Phát	10/03/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
52	3571010044	35CCĐ2	Phan Th	Phong	18/04/1993	4.0						4.0	1.2	4.8	3.4	4.6	N HP
53	3571010003	35CCĐ2	Nguy n V ấ	Ph n	10/04/1993	3.0						3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	N HP
54	3571010668	35CCĐ1	H Qu c	Ph ng	20/09/1993	6.0						6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
55	3571010230	35CCĐ2	L ² T n	Ph ng	17/10/1992	6.0						6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
56	3571010217	35CCĐ2	Nguy n V ấ	Ph ng	19/01/1993	6.0						6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
57	3571010785	35CCĐ1	Nguy n Ng c	Quân	14/04/1993	5.0						5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302101 - Thi t k X ấ y d ấ ng C ấ ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3571010643	35CCĐ1	Nguy n H ng S n	02/10/1993	6.0						6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	N HP
59	3571010222	35CCĐ2	L ² T t S ng	12/05/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
60	3571010758	35CCĐ1	Nguy n T n Tài	01/09/1993	5.0						5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
61	3371010411	35CCĐ1	Nguy n Vi t Tài	29/10/1990	7.0						7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	N HP
62	3571010793	35CCĐ1	D ấ ng Th ấ nh Tâm	18/11/1993	7.0						7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
63	3571010738	35CCĐ1	Ph m Minh Tân	27/07/1993	7.0						7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
64	3571010234	35CCĐ2	Tr n Quang Tân	07/12/1993	6.0						6.0	1.8	7.3	5.1	6.9	
65	3571010657	35CCĐ1	Tr n V ấ n Tân	08/08/1993	5.0						5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
66	3571010225	35CCĐ2	Ngô Minh T n	21/10/1993	5.0						5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
67	3571010610	35CCĐ2	Nguy n Ng c Tu n	11/11/1993	7.0						7.0	2.1	7.3	5.1	7.2	
68	3571010275	35CCĐ2	Phan V ấ n Tu	24/04/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N HP
69	3571010255	35CCĐ1	Tr n Thanh Tùng	11/01/1993	4.0						4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
70	3571010766	35CCĐ1	Ki u Thi t T ng	14/10/1993	6.0						6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	N HP
71	3571010781	35CCĐ1	ấ Ti n Thành	16/04/1992	5.0						5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	N HP
72	3571011158	35CCĐ1	Lê Xuân Thành	30/04/1992	5.0						5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
73	3571010789	35CCĐ1	Tr n M nh Th ng	08/12/1992	6.0						6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
74	3571010239	35CCĐ2	V ấ Chi n Th ng	01/08/1993	6.0						6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	N HP
75	3571010254	35CCĐ1	Tr n Ho ấ ng Thi n	01/12/1992	7.0						7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	N HP
76	3571010212	35CCĐ2	Tr n C ấ ng Thích	03/08/1993	6.0						6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ2 N h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 132017302101 - Thi t k X^a y d ng C ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3571010237	35CCĐ2	Ph m T n	Th nh	20/10/1993	8.0						8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
78	3571010215	35CCĐ2	Tr n ấ c	Th i	20/01/1992	7.0						7.0	2.1	8.3	5.8	7.9	
79	3571010233	35CCĐ2	Nguy n Th ấ ng	Thu n	01/06/1993	6.0						6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
80	3571010660	35CCĐ1	Bùi Thanh	V ấ	15/01/1993	5.0						5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
81	3571010229	35CCĐ2	Nguy n Ph ¾c L ^a m	Viên	31/01/1993	4.0						4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
82	3571010757	35CCĐ1	ấ Thanh	Vi t	20/01/1992	5.0						5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	N HP
83	3571010211	35CCĐ2	L ² Ng c	V IO	18/11/1993	5.0						5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
84	3571010659	35CCĐ1	Lê Minh	V ng	10/04/1992	4.0						4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
85	3571010746	35CCĐ1	L ² Ng c	V ng	20/12/1993	7.0						7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
86	3571010235	35CCĐ2	Tr ng Minh	V ng	02/12/1993	6.0						6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
87	3571010133	35CCĐ2	Ph m Th	Y n	04/10/1993	7.0						7.0	2.1	7.8	5.5	7.6	

T ng s : 87 h c sinh sinh vi² n
Tr ng Khoa Gi o Vi² n B M»n Gi o V Khoa
Tp.HCM, ngày / /